

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/DS-PT
Ngày 12-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Chu Long Kiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2025/TLPT-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2026/QĐ-PT ngày 12-01-2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐ-PT ngày 28-01-2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/QĐ-PT ngày 13-02-2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1960; Căn cước công dân số 020160001*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 20-4-2021; địa chỉ: Số **, đường N, khối 11, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Triệu Quang H, sinh năm 1979; Căn cước công dân số 020079002*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 29-4-2021; địa chỉ: Số ***, đường B, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Bà Hứa Thị Q, sinh năm 1973; Căn cước công dân số 020173000*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 06-3-2023; địa chỉ: Khối V, phường T, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Bà Đào Thị H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Đào Thị H trình bày: Bà Đào Thị H với bà Hứa Thị Q là chỗ quen biết với nhau, do cần vốn để làm ăn kinh doanh để thực hiện xây dựng các công trình bà Hứa Thị Q có hỏi bà Đào Thị H vay tiền để đầu tư vào các công trình xây dựng nên bà Đào Thị H đã cho bà Hứa Thị Q vay tiền nhiều lần cụ thể: Ngày 22/01/2020 vay 140.000.000 đồng; ngày 24/01/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 28/2/2020 vay 15.000.000 đồng; ngày 01/3/2020 vay 95.000.000 đồng; ngày 19/3/2020 vay 200.000.000 đồng; ngày 30/3/2020 vay 300.000.000 đồng; ngày 29/4/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 17/5/2020 vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Hứa Thị Q vay của bà Đào Thị H từ ngày 22/01/2020 đến ngày 17/5/2020 là 820.000.000 đồng.

Về lãi suất áp dụng lãi suất 20 %/1 năm đối với các khoản vay như sau: Đối với khoản vay 140.000.000 đồng ngày 22/01/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 22/01/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1962 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả bà Đào Thị H là 150.509.589 đồng; đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 24/01/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 24/01/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1960 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H là 53.698.630 đồng; đối với khoản vay 15.000.000 đồng ngày 28/2/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 28/2/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1925 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H là 15.821.917 đồng; đối với khoản vay 95.000.000 đồng ngày 01/3/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1923 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H là 100.101.369 đồng; đối với khoản vay 200.000.000 đồng ngày 19/3/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 19/3/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1905 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H là 208.767.123 đồng; đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 30/3/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 30/3/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1894 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H là 311.342.465 đồng; đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 29/4/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 29/4/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1864 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả bà Đào Thị H là 10.213.698 đồng; đối với khoản vay 10.000.000 đồng chẵn ngày 17/5/2020, tiền lãi tạm tính từ ngày 17/5/2020 cho đến ngày 06/6/2025 là 1846 ngày, vậy số tiền lãi bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H là 10.115.068 đồng.

Cho đến tháng 02/2024 bà Hứa Thị Q đã trả được cho bà Đào Thị H tiền lãi là 760.000.000 đồng, việc thanh toán lãi suất bà Hứa Thị Q trực tiếp đưa cho bà Đào Thị H bằng tiền mặt vậy bà Hứa Thị Q còn nợ bà Đào Thị H 100.569.859 đồng tiền lãi của khoản vay cộng với tiền gốc chưa trả là 820.000.000 đồng, tạm tính đến ngày 06/6/2025 bà Hứa Thị Q còn nợ bà Đào Thị H 920.569.859 đồng. Sau đó bà Đào Thị H đã nhiều lần gọi điện thoại và lên nhà nói chuyện yêu cầu

bà Hứa Thị Q phải trả tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận tuy nhiên bà Hứa Thị Q không chịu trả lại tiền cho bà Đào Thị H. Nay bà Đào Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H số tiền vay nợ là 920.569.859 đồng, trong đó tiền vay nợ gốc là 820.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày 06/6/2025 là 100.569.859 đồng và tiếp tục tính lãi suất tiếp theo từ ngày 06/6/2025 cho đến khi bà Hứa Thị Q trả xong khoản nợ với lãi suất là 10%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn bà Hứa Thị Q trình bày: Bà Hứa Thị Q có được vay tiền bà Đào Thị H vào năm 2020 tổng số tiền 820.000.000 đồng và bà Hứa Thị Q đã trả tiền nợ gốc là 760.000.000 đồng, hiện nay bà Hứa Thị Q chỉ còn nợ 60.000.000 đồng tiền gốc. Về yêu cầu khởi kiện bà Đào Thị H tại Tòa án buộc bà Hứa Thị Q trả số tiền 920.569.859 đồng là không đúng. Vì số tiền gốc bà Hứa Thị Q vay bà Đào Thị H là 820.000.000 đồng, theo bà Đào Thị H cung cấp thì bà Hứa Thị Q đã trả 760.000.000 đồng, còn lại bà Hứa Thị Q chỉ còn nợ 60.000.000 đồng, do số tiền gốc 820.000.000 đồng nêu trên khi vay bà Đào Thị H không tính lãi suất.

Tại Bản án số 33/2025/DS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị H khởi kiện đòi lại tài sản cho vay đối với bà Hứa Thị Q, cụ thể:

- Buộc bà Hứa Thị Q phải trả số tiền gốc cho bà Đào Thị H là 60.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 22/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 là 6.615.000 đồng, tổng cộng là 66.615.000 đồng; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bà Hứa Thị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H đòi bà Hứa Thị Q trả số tiền nợ gốc là 760.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 93.955.859, tổng cộng là 853.954.859 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Đào Thị H kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn theo hướng buộc bà Hứa Thị Q phải trả cho bà Đào Thị H tổng số tiền vay nợ là 920.569.859 đồng, trong đó tiền vay nợ gốc là 820.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày 06/6/2025 là 100.569.859 đồng và tính lãi suất tiếp theo từ ngày 06/6/2025 cho đến khi trả xong khoản nợ với lãi suất là 10%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận số tiền 760.000.000 đồng bà Hứa Thị Q trả được tính vào nợ gốc và tính lãi 10% theo dư nợ giảm dần của khoản vay. Tổng số tiền bà Hứa Thị Q phải trả cho

bà cả gốc và lãi tổng số tiền là 289.026.165 đồng. Bị đơn đưa cho bà giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 357782 số vào sổ cấp giấy chứng nhận:CH00401 do UBND huyện Văn Lãng (cũ) cấp ngày 29-9-2025 đứng tên hộ bà Hứa Thị Q, bà tự nguyện trả lại cho bà Hứa Thị Q.

Bị đơn bà Hứa Thị Q vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành theo đúng quy định tại Điều 285, 286, 290, 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phiên tòa đã mở lần thứ 2, vắng mặt bị đơn, do vậy việc tiếp tục xét xử là đúng quy định.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Ngày 29/9/2025 Tòa án sơ thẩm xét xử vụ án, ngày 09/10/2025, nguyên đơn có đơn kháng cáo nộp trực tiếp tại Tòa án là trong thời hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị H, về buộc bà Hứa Thị Q phải trả cho bà tổng số tiền vay nợ là 920.569.859 đồng, trong đó tiền vay gốc là 820.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày 06/6/2025 là 100.569.859 đồng và tính lãi suất tiếp theo từ ngày 06/6/2025 cho đến khi trả xong khoản nợ với lãi suất là 10%/năm theo quy định của BLDS.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận số tiền 760.000.000đ bà Hứa Thị Q trả được tính vào nợ gốc và tính lãi 10% theo dư nợ giảm dần của khoản vay. Tổng số tiền bà Hứa Thị Q phải trả cả gốc và lãi là 289.026.165 đồng. Qua xem xét nội dung kháng cáo, thấy: Hai bên đương sự đều thống nhất việc bà Đào Thị H cho bà Hứa Thị Q vay tiền nhiều lần từ ngày 22/01/2020 đến ngày 17/5/2020 là 820.000.000 đồng có lập giấy viết tay, ghi ngày vay, số tiền vay có chữ ký, xác nhận của bị đơn. Tuy không có ký kết hợp đồng cụ thể, nhưng 2 bên đều thừa nhận, việc giao nhận tiền đã được thực hiện xong, do đó hợp đồng là có hiệu lực thực tế. Về lãi suất và thời hạn trả nợ không có thỏa thuận cụ thể, theo nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện lãi suất tính 1.000đ/1 triệu/1 ngày, nhưng quá trình giải quyết lại đề nghị bị đơn phải trả lãi suất 20%/năm, còn bị đơn trình bày vay không tính lãi suất. Nội dung trình bày trên của các đương sự là có mâu thuẫn, nên cần phải được xem xét theo quy định pháp luật.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, không xuất trình được văn bản nào nêu hai bên vay, mượn tiền có thỏa thuận về lãi suất, cũng không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Tại phiên tòa bà Đào Thị H xác định lại số tiền 760.000.000đồng bà Hứa Thị Q trả được tính vào tiền gốc. Quá trình giải quyết, bị đơn cho rằng số tiền bà trả là trả tiền gốc,

nguyên đơn cho bà vay không tính lãi. Việc bị đơn cho rằng tiền trả là tiền gốc là phù hợp với ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên việc bị đơn cho rằng nguyên đơn bà Đào Thị H cho bà vay tiền không tính lãi là không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, do đó cần buộc bà Hứa Thị Q phải trả tiền lãi của khoản vay cho bà Đào Thị H theo quy định pháp luật mới đảm bảo tính công bằng, khách quan.

Nay nguyên đơn bà Đào Thị H yêu cầu bị đơn bà Hứa Thị Q phải trả nợ gốc và lãi của khoản vay, do đó xác định việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về lãi, hiện nay 2 bên có tranh chấp về lãi suất, do đó cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án tối cao và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cần buộc bà Hứa Thị Q phải trả lãi cho bà Đào Thị H với mức lãi suất 10%/năm (theo quy định) mới đảm bảo phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Cụ thể các khoản khi vay riêng lẻ được tính lãi 10% từ ngày vay, đến ngày vay cuối cùng (ngày 17/5/2020); tổng các khoản vay cộng lại 820.000.000 đồng được tính lãi bắt đầu từ ngày 17/5/2020 là ngày vay cuối cùng. Căn cứ Bảng thông kê trả nợ do nguyên đơn cung cấp, cần xác định số tiền trả lần lượt được trừ vào gốc, còn tiền lãi được tính 10%/năm (0,833%/tháng), tính trên dư nợ giảm dần của tiền gốc. Tính đến ngày 29/9/2025 là ngày xét xử sơ thẩm tiền gốc chưa trả là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 213.458.748 đồng; tổng số tiền gốc và lãi bà Hứa Thị Q phải có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị H đến ngày xét xử sơ thẩm là 289.026.165 đồng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H, buộc bà Hứa Thị Q phải trả số tiền gốc cho bà Đào Thị H là 60.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 22/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 là 6.615.000 đồng, tổng cộng là 66.615.000 đồng là không có căn cứ, không khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi ích chính đáng của nguyên đơn; kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Hứa Thị Q phải trả tiền gốc và tiền lãi cho nguyên đơn là có căn cứ. Do đó có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị H, theo đó bị đơn bà Hứa Thị Q có trách nhiệm thanh toán cả gốc và lãi cho bà Đào Thị H đến ngày xét xử sơ thẩm là 289.026.165 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bà Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Hiện nay bà Đào Thị H còn giữ 01 GCNQSDĐ của bà Hứa Thị Q khi vay tiền. Do buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, nên nguyên đơn có trách nhiệm trả lại GCNQSDĐ cho bà Hứa Thị Q theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị H; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

Do sửa Bản án nên nguyên đơn có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; Án phí sơ thẩm cần được xem xét quyết định lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị H, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hứa Thị Q phải trả số tiền vay nợ là 920.569.859 đồng, trong đó tiền vay nợ gốc là 820.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc tính đến ngày 06/6/2025 là 100.569.859 đồng và tiếp tục tính lãi suất tiếp theo từ ngày 06/6/2025 cho đến khi bà Hứa Thị Q trả xong khoản nợ với lãi suất là 10%/năm. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận số tiền 760.000.000đ bà Hứa Thị Q trả được tính vào nợ gốc và tính lãi 10% theo dư nợ giảm dần của khoản vay.

[3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn cung cấp: 01 Giấy có nội dung bị đơn vay tiền nhiều lần, cụ thể xác lập vào các ngày: Ngày 22/01/2020 vay 140.000.000 đồng; ngày 24/01/2020 vay 50.000.000 đồng; ngày 28/2/2020 vay 15.000.000 đồng; ngày 01/3/2020 vay 95.000.000 đồng; ngày 19/3/2020 vay 200.000.000 đồng; ngày 30/3/2020 vay 300.000.000 đồng; ngày 29/4/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 17/5/2020 vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Hứa Thị Q vay của bà Đào Thị H từ ngày 22/01/2020 đến ngày 17/5/2020 là 820.000.000 đồng. Toàn bộ những lần vay đều có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Hứa Thị Q. Tại nội dung giấy vay dòng ngày 22/01/2020, có ghi lãi suất 1.000đ/ngày, là lần vay đầu tiên. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, đến tháng 02/2024 bà Hứa Thị Q đã trả được cho bà Đào Thị H tổng số tiền là 760.000.000 đồng, mặc dù không có ký nhận nhưng nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả 27 lần tổng số tiền là 760.000.000 đồng là thực tế, do nguyên đơn tự ghi chép.

[4] Nguyên đơn cho rằng số tiền 760.000.000 đồng bị đơn đã trả là tiền lãi, bị đơn còn nợ bà Đào Thị H 100.569.859 đồng tiền lãi của khoản vay cộng với tiền gốc chưa trả là 820.000.000 đồng, tạm tính đến ngày 06/6/2025 bà Hứa Thị Q còn nợ bà Đào Thị H 920.569.859 đồng.

[5] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận được vay nguyên đơn số tiền 820.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn cho rằng nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền không tính lãi, bị đơn đã trả được 760.000.000 đồng nên bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 60.000.000 đồng, do đó không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của bị đơn không có tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

[6] Xét đối với giấy vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn: Thể hiện bị đơn vay 7 lần từ ngày 22/01/2020 đến ngày 17/5/2020, mỗi lần vay có chữ ký, xác nhận của bị đơn bà Hứa Thị Q. Hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, ngày

22/01/2020 có ghi lãi suất 1.000 đồng/1 ngày, bị đơn cho rằng nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền không tính lãi. Nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện lãi suất tính 1.000đ/1 triệu/1 ngày, nhưng quá trình giải quyết lại đề nghị bị đơn phải trả lãi suất 20%/năm, còn bị đơn trình bày vay không tính lãi suất. Nội dung trình bày trên của các đương sự không thống nhất, không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, do đó cần được xem xét theo quy định pháp luật.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chấp nhận số tiền 760.000.000 đồng bà Hứa Thị Q đã trả được tính vào nợ gốc và tính lãi 10% theo dư nợ giảm dần của khoản vay, các khoản khi vay được tính lãi 10% từ ngày vay, đến ngày vay cuối cùng (ngày 17/5/2020). Như vậy các bên có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất vi phạm; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[8] Do đó chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên kháng cáo của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận. Căn cứ Bảng thống kê trả nợ do nguyên đơn cung cấp, số tiền trả là được tính trả vào gốc, tiền lãi được tính 10%/năm (0,833%/tháng), tính trên dư nợ giảm dần của tiền gốc, cụ thể như sau:

[8.1] Thời gian từ ngày 22/01/2020 đến ngày 17/05/2020.

Ngày vay	Số tiền gốc (VND)	Số ngày tính lãi	Tiền lãi (tạm tính) (VND)
22/01/2020	140.000.000	116 ngày (3 tháng 26 ngày)	4.453.302
24/01/2020	50.000.000	114 (3 tháng 24 ngày)	1.561.096
28/02/2020	15.000.000	79 (2 tháng 19 ngày)	324.526
01/03/2020	95.000.000	77 ngày (2 tháng 17 ngày)	2.004.145
19/03/2020	200.000.000	59 ngày 01 tháng 29 ngày	3.231.562
30/03/2020	300.000.000	48 ngày 01 tháng 18 ngày	3.943.496
29/04/2020	10.000.000	18 ngày	49.292
17/05/2020	10.000.000	0	0
Tổng cộng	820.000.000		15.567.419

[8.2] Thời gian từ ngày 17/05/2020 đến ngày 29/9/2025:

STT	Ngày trả	Số ngày tính lãi	Gốc tính lãi trong kỳ (VND)	Tiền trả (VND)	Gốc tính lãi kỳ sau (VND)	Lãi trong kỳ (VND)
1	13/5/2021	(17/5/2020->13/5/2021 = 362 ngày) 11 tháng 22 ngày	820.000.000	100.000.000	720.000.000	82.422.573
2	13/8/2021	(14/5/2021->13/8/2021 = 92 ngày) 03 tháng 02 ngày	720.000.000	50.000.000	670.000.000	18.392.640
3	30/9/2021	(14/8/2021->30/9/2021 = 48 ngày) 01 tháng 18 ngày	670.000.000	30.000.000	640.000.000	8.929.760
4	11/12/2021	01/10->11/12= 72 ngày 02 tháng 12 ngày	640.000.000	10.000.000	630.000.000	12.794.880
5	11/01/2022	12/12->11/01= 31 ngày 01 tháng 01 ngày	630.000.000	10.000.000	620.000.000	5.422.830
6	28/01/2022	12/01->28/01= 17 ngày	620.000.000	20.000.000	600.000.000	2.926.207
7	05/3/2022	29/01->05/3= 36 ngày 01 tháng 6 ngày	600.000.000	10.000.000	590.000.000	5.997.600
8	24/3/2022	06/3->24/3= 19 ngày	590.000.000	20.000.000	570.000.000	3.112.643
9	29/4/2022	25/3->29/4= 36 ngày 01 tháng 6 ngày	570.000.000	30.000.000	540.000.000	5.697.720
10	29/6/2022	30/4->29/6= 61 ngày 02 tháng 01 ngày	540.000.000	20.000.000	520.000.000	9.146.340
11	28/7/2022	30/6->28/7= 29 ngày	520.000.000	40.000.000	480.000.000	4.187.213
12	31/8/2022	29/7->31/8= 34 ngày 01 tháng 4 ngày	480.000.000	30.000.000	450.000.000	4.531.520
13	01/9/2022	01/9/2022= 01 ngày	450.000.000	10.000.000	440.000.000	124.950
14	28/9/2022	02/9->28/9= 27 ngày	440.000.000	30.000.000	410.000.000	3.298.680
15	12/12/2022	29/9->12/12= 75 ngày 02 tháng 15 ngày	410.000.000	60.000.000	350.000.000	8.838.250
16	31/12/2022	13/12->31/12= 19 ngày	350.000.000	30.000.000	320.000.000	1.846.483

17	04/5/2023	01/01->04/5= 124 ngày 4 tháng 4 ngày	320.000.000	40.000.000	280.000.000	11.017.813
18	01/6/2023	05/5->01/6= 28 ngày	280.000.000	15.000.000	265.000.000	2.176.907
19	07/7/2023	02/6->07/7= 36 ngày 01 tháng 6 ngày	265.000.000	40.000.000	225.000.000	2.648.940
20	29/7/2023	08/7->29/7= 22 ngày	225.000.000	30.000.000	195.000.000	1.374.450
21	31/8/2023	30/7->31/8= 33 ngày 01 tháng 3 ngày	195.000.000	30.000.000	165.000.000	1.786.785
23	29/9/2023	01/9->29/9= 29 ngày	165.000.000	30.000.000	135.000.000	1.328.635
24	19/01/2024	30/9->19/01= 112 ngày 3 tháng 22 ngày	135.000.000	15.000.000	120.000.000	4.198.320
25	07/02/2024	20/01->07/02= 19 ngày	120.000.000	40.000.000	80.000.000	633.080
26	30/5/2024	08/2->30/5= 113 ngày 3 tháng 23 ngày	80.000.000	20.000.000	60.000.000	2.510.107
27	29/9/2025 (xử sơ thẩm)	31/5/2024->29/9/2025 = 487 ngày 1 năm 4 tháng 2 ngày	60.000.000	0	60.000.000	8.113.420
		Tổng gốc còn chưa trả:	60.000.000		Tổng lãi:	213.458.746

[9] Như vậy tính đến ngày 29/9/2025 là ngày xét xử sơ thẩm bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi là 229.026.165 đồng. Vì vậy, xác định tổng số tiền gốc và lãi bà Hứa Thị Q phải có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị H đến ngày xét xử sơ thẩm là 289.026.165 đồng.

[10] Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Hứa Thị Q phải trả số tiền gốc cho bà Đào Thị H là 60.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 22/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 là 6.615.000 đồng, tổng cộng là 66.615.000 đồng là chưa chính xác, không phù hợp như đã phân tích nêu trên.

[11] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày hiện nay bà Đào Thị H đang còn giữ 01 GCNQSDĐ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của bà Hứa Thị Q và cung cấp bản sao GCNQSDĐ ký hiệu CB 357782; số vào sổ cấp GCN: CH00401 do UBND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cũ cấp ngày 29/9/2015 (gồm 5 thửa đất số 302, 305, 354, 355, 356 cùng tờ bản đồ số 29) cho Tòa án. Do buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, nên nguyên đơn bà Đào Thị H phải có trách nhiệm trả lại GCNQSDĐ cho bà Hứa Thị Q theo quy định pháp luật. Như phân tích nêu trên, kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ nên

được chấp nhận, do đó cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 289.026.167 đồng; trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là ngày xét xử sơ thẩm số tiền 229.026.165 đồng. Do sửa Bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền của nguyên đơn được chấp nhận (289.026.165 đồng x5%) làm tròn số là 14.451.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị H.

Buộc bà Hứa Thị Q có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị H 289.026.165 đồng (hai trăm tám mươi chín triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi năm đồng); trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là ngày xét xử sơ thẩm số tiền 229.026.165 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi năm đồng) .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Nguyên đơn bà Đào Thị H có trách nhiệm trả cho bà Hứa Thị Q 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu CB 357782; số vào sổ cấp GCN: CH00401

do UBND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (cũ) cấp ngày 29/9/2015 (gồm 5 thửa đất số 302, 305, 354, 355, 356 cùng tờ bản đồ số 29) đứng tên hộ bà Hứa Thị Q.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hứa Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 14.451.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Đào Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND TC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự vực 1 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. GDKTTT&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Thị Nguyệt